

Số: /GPMT-UBND TP. Kon Tum, ngày tháng năm

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KON TUM

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 06/CV-CTY ngày 15 tháng 7 năm 2024 về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty TNHH Năng Ấm Cao Nguyên đối với dự án Nhà máy chiết xuất tinh bột nghệ và đóng gói rau, củ, quả; Văn bản số 07/CV-CTY ngày 14 tháng 8 năm 2024 về việc chỉnh sửa các nội dung sau thẩm định cấp giấy phép môi trường dự án Nhà máy chiết xuất tinh bột nghệ và đóng gói rau, củ, quả và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Kon Tum tại Tờ trình số 128/TTr-TNMT ngày 15 tháng 8 năm 2024 về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường Dự án: “Nhà máy chiết xuất tinh bột nghệ và đóng gói rau, củ, quả” của Công ty TNHH Năng Ấm Cao Nguyên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH Năng Ấm Cao Nguyên, địa chỉ tại đường Nguyễn Lân, tổ 1, phường Ngô Mây, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Nhà máy chiết xuất tinh bột nghệ và đóng gói rau, củ, quả” tại Lô C9, Khu công nghiệp Hòa Bình, phường Nguyễn Trãi, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung:

1.1. Tên dự án đầu tư: Nhà máy chiết xuất tinh bột nghệ và đóng gói rau, củ, quả.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô C9, Khu công nghiệp Hòa Bình, phường Nguyễn Trãi, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh: 6101295801; Đăng ký lần đầu ngày 07 tháng 12 năm 2023; do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp.

1.4. Mã số thuế: 6101295801.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Nhà máy chiết xuất tinh bột nghệ và đóng gói rau, củ, quả.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Diện tích đất sử dụng: 4.300 m².

- Công suất thiết kế:

+ Sơ chế các sản phẩm từ trồng trọt, rau, củ, quả: 500 tấn nguyên liệu/năm.

+ Sản xuất tinh chất nghệ (Curcuminoid) dưới dạng bột: 1.000 tấn nguyên liệu/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

(Có các Phụ lục 1, 2, 3, 4 kèm theo)

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm Công ty TNHH Năng Âm Cao Nguyên.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Năng Âm Cao Nguyên có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm tính từ ngày ký giấy phép.

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Kon Tum tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Năng Âm Cao Nguyên;
- Phòng TN&MT thành phố;
- Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh;
- UBND Phường Nguyễn Trãi;
- Cổng Thông tin điện tử thành phố;
- Lưu: VT, MT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Dương Anh Hùng

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT-UBND ngày..... tháng..... năm của Ủy ban nhân dân thành phố Kon Tum)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn nước thải sinh hoạt:
 - + Nguồn số 01: Nguồn nước thải sinh hoạt.
- Nguồn nước thải sản xuất.
 - + Nguồn số 02: Nước thải từ quá trình rửa rau, củ, quả.
 - + Nguồn số 03: Nước thải từ quá trình sản xuất tinh bột nghệ.
 - + Nguồn số 04: Nước thải từ quá trình vệ sinh thiết bị máy móc, sàn nhà xưởng sản xuất.
 - + Nguồn số 05: Nước thải từ quá trình rửa sàn khu lưu trữ chất thải rắn thông thường.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Dòng nước thải:

- Dòng nước thải 01 (Nguồn số 01): Nước thải sinh hoạt của Nhà máy sau khi được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn được thu gom về hố ga nước thải chung của nhà máy, sau đó nước thải được dẫn ra đầu nối xả vào hệ thống thu gom về Khu xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Hòa Bình.

- Dòng nước thải 02 (Nguồn số 02): Nước thải sản xuất phát sinh từ dây chuyền sơ chế rau, củ, quả sau khi được xử lý sơ bộ bằng bể lắng, lọc 2 ngăn được thu gom về hố ga nước thải chung của nhà máy, sau đó nước thải được dẫn ra đầu nối xả vào hệ thống thu gom về Khu xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Hòa Bình.

- Dòng nước thải 03 (Nguồn số 03+04+05): Nước thải tổng hợp của Nhà máy sau khi được xử lý bằng hệ thống xử lý nước thải tập trung với công suất 30m³/ngày.đêm của Nhà máy được dẫn về hố ga nước thải chung của nhà máy, sau đó nước thải được dẫn ra đầu nối xả vào hệ thống thu gom về Khu xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Hòa Bình.

2.2. Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống thu gom nước thải chung của Khu Công nghiệp Hòa Bình (tại phường Nguyễn Trãi, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum) dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu Công nghiệp Hòa Bình, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

2.3. Vị trí xả nước thải:

- Vị trí nơi xả nước thải: Đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải chung của Khu Công nghiệp Hòa Bình, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum (tại phường Nguyễn Trãi, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum).

+ Tọa độ vị trí xả nước thải (hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}30'$, vĩ chiếu 3°): X = 1.584.301; Y = 551.460.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất:

- Lưu lượng xả nước thải sinh hoạt (Nguồn số 01): 0,72 m³/ngày.đêm.
- Lưu lượng xả nước thải sản xuất (Nguồn số 02 + 03 + 04 + 05): 32,98 m³/ngày.đêm.

2.3.1. Phương thức xả thải: Tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục (24 giờ).

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về chất lượng nước thải đầu vào của Hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Hòa Bình do Công ty Đầu tư phát triển hạ tầng Khu kinh tế tỉnh cung cấp và đảm bảo cột B QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, các thông số của nước thải khi đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải chung của Khu công nghiệp Hòa Bình không được vượt quá giới hạn cho phép theo bảng sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Ghi chú	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	4,5 đến 9,5	Đáp ứng yêu cầu của đơn vị vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Hòa Bình	6 tháng/lần
2	Chất rắn lơ lửng TSS	mg/l	600		
3	BOD ₅ (20°C)	mg/l	500		
4	COD	mg/l	700		
5	NO ₃ ⁻	mg/l	40		
6	Coliform	MNP/100ml	24x10 ⁴		
7	Tổng dầu mỡ khoáng*	mg/l	9,9		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Đối với nước thải sinh hoạt: Nước thải từ các chậu xí, âu tiểu, nước rửa sàn nhà từ nhà vệ sinh được thu gom bằng đường ống PVC D114, dài khoảng 3m dẫn về bể tự hoại 3 ngăn đặt ngầm trước nhà vệ sinh.

- Đối với nước thải sản xuất:

+ Nước thải làm sạch, sơ chế rau, củ, quả: Nước thải từ các chậu rửa thực phẩm được thu về ống HDPE Ø90, dài khoảng 20m tự chảy ra bể lắng, lọc để lắng cặn, đất, bụi bẩn.

+ Nước thải từ sản xuất tinh bột nghệ: Nước thải từ máy rửa nghệ được thu về ống HDPE Ø90, dài 25m tự chảy ra hố ga thu lắng để lắng cặn, đất, bụi

bắn sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Nhà máy để xử lý; Nước thải từ máy ly tâm tách nước, tách dịch bào do có nồng độ dầu tổng cao nên được dẫn qua hệ thống lọc dầu rồi dẫn về hố ga thu lắng để lắng cặn, đất, bụi bắn sau đó theo đường ống HDPE Ø90, dài 25m dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Nhà máy để xử lý.

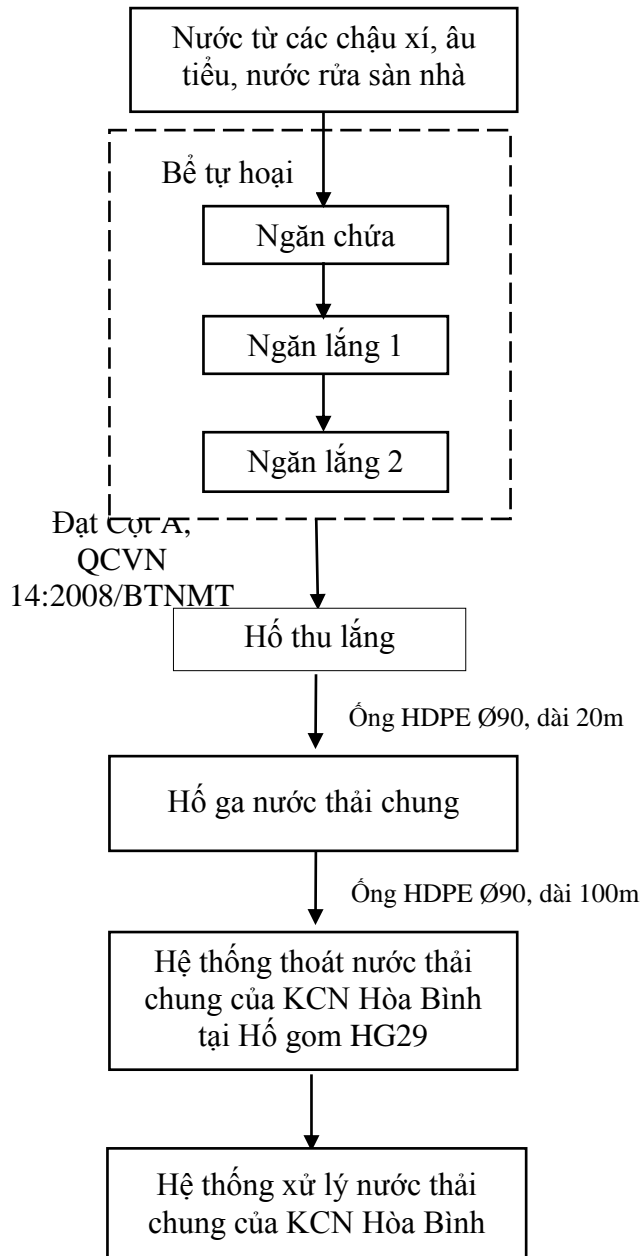
+ Nước thải từ quá trình vệ sinh thiết bị máy móc và rửa sàn nhà: Nước thải được thu về ống HDPE Ø50, dài khoảng 50m tự chảy ra hố ga thu lắng để lắng cặn, đất, bụi bắn sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Nhà máy để xử lý.

+ Nước thải từ quá trình vệ sinh khu vực chứa chất thải rắn thông thường: Nước thải được thu về ống HDPE Ø50, dài 11m tự chảy ra hố ga thu lắng để lắng cặn, đất, bụi bắn sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Nhà máy để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Nước thải sinh hoạt:

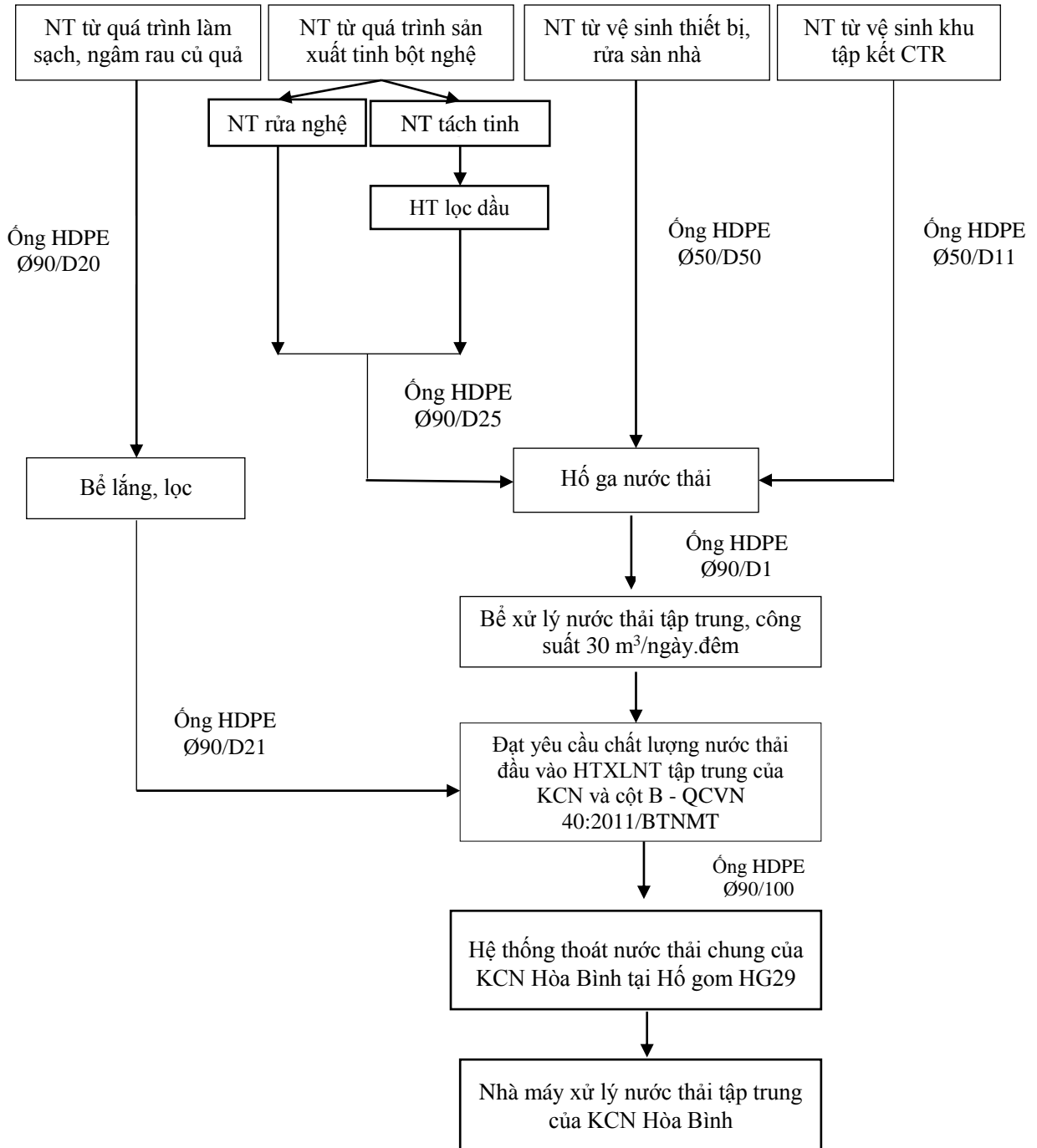
- Tóm tắt quy trình công nghệ: Được xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn đặt ngầm tại khu vực ngoài nhà vệ sinh có dung tích thiết kế là 6 m³, đảm bảo khả năng xử lý đối với số lượng công nhân tại nhà máy. Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn được dẫn qua hố thu lắng và theo đường ống HDPE Ø90 dài khoảng 8m dẫn ra đường ống thu gom đường nước thải, dài 12m dẫn về hố ga nước thải chung của nhà máy. Sau đó nước thải theo đường ống HDPE Ø90 dài 100m đầu nối thoát ra hệ thống thu gom nước thải của Khu Công nghiệp Hòa Bình tại hố gom HG29, trên tuyến A3-A5. Sơ đồ và quy trình xử lý như sau:



1.2.2. Nước thải sản xuất:

Nước thải sản xuất của dự án xuất phát từ 04 nguồn chính gồm: nước thải phát sinh từ dây chuyền sơ chế rau, củ, quả; nước thải từ hoạt động sản xuất tinh bột nghệ; nước thải từ vệ sinh thiết bị, rửa sàn; nước thải vệ sinh khu tập kết chất thải rắn. Trong đó: nước thải từ dây chuyền sơ chế rau, củ, quả được xử lý bằng bể lắng, lọc với thể tích 4m^3 ; nước thải từ hoạt động sản xuất tinh bột nghệ, nước thải từ vệ sinh thiết bị, rửa sàn, nước thải vệ sinh khu tập kết chất thải rắn được thu gom và xử lý bằng hệ thống xử lý nước thải tập trung của nhà máy với công suất $30\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$.

Sơ đồ minh họa tổng thể mạng lưới thu gom, thoát nước thải sản xuất:



- Tóm tắt quy trình công nghệ:

+ *Nước thải phát sinh từ dây chuyền sơ chế rau, củ, quả*: Nước thải từ các chậu rửa thực phẩm được thu về ống HDPE Ø90, dài khoảng 20m tự chảy ra bể lắng, lọc để lắng cặn, đất, bụi bẩn. Tại bể lắng lọc 2 ngăn, cặn, đất, bụi bẩn được lắng trọng lực xuống đáy bể làm giảm nồng độ TSS trong nước thải. Hơn nữa trong thời gian nước thải lưu tại bể lắng, lọc cũng tạo điều kiện để bay hơi hết lượng Clo dư và giảm nồng độ COD có trong nước thải.

Nước thải sau khi lắng cặn, đất tại bể lắng, lọc được dẫn về hồ ga nước thải chung của nhà máy bằng đường ống HDPE Ø90 dài khoảng 22m. Sau đó nước thải được dẫn ra đầu nối vào Hồ ga HG29, trên tuyến A3-A5 chảy về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu Công nghiệp Hoà Bình bằng đường ống HDPE Ø90 dài khoảng 100m.

+ Nước thải từ sản xuất tinh bột nghệ, nước thải từ vệ sinh thiết bị, rửa sàn, nước thải vệ sinh khu tập kết chất thải rắn: Nước thải được thu gom và dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của nhà máy với công nghệ xử lý là công nghệ vi sinh dạng tổ hợp. Hệ thống xử lý bao gồm các đơn vị công nghệ sau:

Bể gom + tách dầu mỡ, lắng cát → Ngăn điều hòa → Ngăn sinh học thiếu khí → Ngăn sinh học hiếu khí → Ngăn lắng → Hồ ga kiểm tra → Hồ ga thoát nước bản chung của khu công nghiệp. Công suất thiết kế: 30 m³/ngày.đêm.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Dự án không thuộc đối tượng phải giám sát tự động, liên tục đối với nước thải.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 03 tháng (kể từ ngày đủ điều kiện vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải).

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 03 vị trí

- Vị trí 01: 01 mẫu tại vị trí đầu vào của bể lắng, lọc nước thải từ quá trình sơ chế rau, củ, quả.

- Vị trí 02: 01 mẫu tại vị trí đầu vào của hệ thống xử lý nước thải tập trung của Nhà máy.

- Vị trí 03: 01 mẫu tổng hợp tại hồ ga nước thải dẫn ra đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của Khu Công nghiệp Hòa Bình

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

- Thông số giám sát: Lưu lượng, pH, TSS, BOD₅, COD, NO₃⁻, Coliform, Dầu mỡ khoáng.

- Quy chuẩn so sánh: Yêu cầu về chất lượng nước thải đầu vào của Hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Hòa Bình do Công ty Đầu tư phát triển hạ tầng Khu kinh tế tỉnh cung cấp và cột B (Kq = 0,9; Kf = 1,1), QCVN 40:2011/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp đối với thông số Tổng dầu mỡ khoáng.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

- Trong giai đoạn vận hành ổn định: Lấy mẫu 03 ngày liên tiếp từ ngày 01 tháng 11 năm 2024 đến ngày 03 tháng 11 năm 2024.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án phải đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải vào nguồn tiếp nhận; thực hiện đúng các cam kết đã nêu trong Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu và ngừng ngay việc xả thải.

3.2. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo:

- Thực hiện vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư theo quy định tại Điều 31, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT-UBND ngày..... tháng..... năm của Ủy ban nhân dân thành phố Kon Tum)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Khí thải phát sinh từ nhà máy phát điện dự phòng.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải

- Vị trí:

+ Tại khu vực đặt máy phát điện dự phòng của dự án (thuộc địa giới hành chính của phường Nguyễn Trãi, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum).

+Toạ độ vị trí xả khí thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục $107^{\circ}3'$, múi chiếu 3°): X = 1.584.149; Y = 551.430.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 319,2 m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Xả gián đoạn (Khi sử dụng máy phát điện dự phòng).

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (Cột B, $K_p = 1$, $K_v = 0,8$), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép (QCVN 19:2009/BTNMT - Cột B, $K_p = 1$, $K_v = 0,8$)	Tần suất quan trắc định kỳ
1	SO ₂	mg/Nm ³	400	6tháng/lần
2	CO	mg/Nm ³	800	
4	NO _x	mg/Nm ³	680	
5	Bụi tổng	mg/Nm ³	160	

Phụ lục 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT-UBND ngày..... tháng..... năm của Ủy ban nhân dân thành phố Kon Tum)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Tiếng ồn từ các phương tiện giao thông ra vào nhà máy: Đây là nguồn không liên tục, thông thường thời điểm phát sinh tiếng ồn từ các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu và sản phẩm tại nhà máy.

- Tiếng ồn, độ rung từ các máy móc, thiết bị phục vụ quá trình sản xuất. Các nguồn này thường mang tính cục bộ, ảnh hưởng đến lao động vận hành trực tiếp.

2. Tiếng ồn phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường và QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn. Độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường và QCVN 27:2016/BYT về Rung - Giá trị cho phép tại nơi làm việc; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

1.1. Giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đối với máy móc hoạt động

- Lắp đặt máy móc thiết bị mới có chất lượng tốt đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật.

- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy để khi hoạt động tránh va chạm, giảm thiểu tiếng ồn.

- Khu vực đặt dây chuyền sản xuất cần bố trí hợp lý, cách ly với khu vực văn phòng và các dự án lân cận để giảm sự cộng hưởng của tiếng ồn.

- Đúc móng máy đủ khối lượng (bê tông mác 250 □ 300), tăng chiều sâu móng để tránh rung theo mặt nền.

- Thường xuyên kiểm tra tình trạng hoạt động của các trang thiết bị, kiểm tra độ mòn chi tiết, tiến hành bảo trì, bảo dưỡng, cho dầu bôi trơn hoặc thay các chi tiết hư hỏng kịp thời.

- Vận hành máy móc, thiết bị đúng kỹ thuật.

- Trang bị dụng cụ bảo hộ chống ồn cho công nhân tại các công đoạn phát sinh tiếng ồn lớn (nút bịt tai, mũ bảo hộ có chức năng chống ồn...).

- Bố trí thời gian sản xuất, chế độ ca kíp hợp lý để tránh làm việc quá lâu trong khu vực có tiếng ồn cao.

- Trồng cây xanh quanh các nhà xưởng tạo dải phân cách, hạn chế sự lan truyền tiếng ồn sang các khu vực lân cận.

- Tiến hành kiểm tra, bôi trơn và bảo dưỡng định kỳ máy móc thiết bị,

định kỳ 3 tháng bôi trơn dầu máy.

1.2. Giảm thiểu tiếng ồn, độ rung trong quá trình nhập nguyên liệu và xuất sản phẩm

- Yêu cầu các xe không vận hành tắt máy, bố trí riêng các khu vực tập trung xe tải, xe máy.

- Hạn chế bóp còi xe trong khu vực bãi đậu xe.

- Các phương tiện vận tải phải được các cơ quan chức năng kiểm định và cho phép lưu hành. Không sử dụng các phương tiện quá cũ.

- Việc bốc, dỡ được thực hiện khẩn trương. Trong quá trình bốc dỡ, phương tiện tắt máy để tránh tiếng ồn động cơ.

- Xe ra vào được bảo vệ điều hướng nhằm hạn chế tình trạng tắc nghẽn giao thông ra vào.

1.3. Giảm thiểu tiếng ồn, rung do máy phát điện

- Sử dụng máy phát điện đảm bảo đạt chuẩn môi trường, không sử dụng máy cũ gây ồn cao.

- Lắp đặt các đệm chống ồn, rung cho máy phát điện.

- Thực hiện duy tu, bảo dưỡng thường xuyên: kiểm tra độ mòn chi tiết, tra dầu bôi trơn.

- Sử dụng nhiên liệu chạy máy có hàm lượng lưu huỳnh thấp.

- Chỉ sử dụng trong trường hợp mất điện, hạn chế sử dụng thường xuyên.

- Bố trí nằm tại khu vực riêng biệt để giảm tiếng ồn.

1.4. Giảm thiểu tiếng ồn do máy bơm, thiết bị XLNT

- Vệ sinh định kỳ máy bơm 1 - 2 lần/năm, cọ rửa cánh quạt bơm bị đóng ván cặn.

- Thực hiện duy tu, bảo dưỡng thường xuyên: kiểm tra độ mòn chi tiết, tra dầu bôi trơn, thay thế các chi tiết bị hư hỏng.

- Kiểm tra bộ máy bơm sao cho chắc chắn, giữ vệ sinh, sạch sẽ để hạn chế rỉ sét.

- Tuân thủ: QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu, QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT-UBND ngày..... tháng..... năm
của Ủy ban nhân dân thành phố Kon Tum)*

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải	Số lượng trung bình (kg/tháng)
1	Giẻ lau, vải bảo vệ thải có bị nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	2,5
2	Pin/ắc quy chì thải	Rắn	16 01 12	1,5
3	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	1
4	Bao bì mềm thải	Rắn	16 01 03	2
5	Bùn từ hệ thống XLNT	Bùn	19 08 11	75,3
Tổng				82,3

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Tên chất thải	Đơn vị	Khối lượng
1	Rác hữu cơ (bã nghệ, rau củ quả hư...)	kg/ngày	2.820,00
2	Bao bì, giấythải	kg/ngày	2,00
Tổng		kg/ngày	2.822,00

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 15 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: 05 thùng phi nhựa 120 lít, có nắp đậy tại kho chứa chất thải nguy hại.

2.1.2. Kho chứa chất thải nguy hại:

- Diện tích kho chứa: 9 m².

- Thiết kế, cấu tạo của chứa chất thải nguy hại: Kiểu kho kín, có mái che, nền bê tông cao và đặt tại nơi có cao trình đảm bảo để tránh bị ảnh hưởng bởi mưa lũ và đảm bảo an toàn cho cán bộ công nhân viên.

Thực hiện lưu giữ, quản lý chất thải nguy hại theo hướng dẫn của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: 03 thùng nhựa 240 lít, có nắp đậy.

2.2.2. Khu vực lưu chứa chất thải rắn công nghiệp:

- Rác thải hữu cơ:

+ Được thu gom vào các bao bì và đưa về vị trí tập kết chất thải rắn thông thường trong xưởng sản xuất tinh bột nghệ. Vị trí tập kết có diện tích 50 m² được bố trí tại góc nhà xưởng sản xuất.

+ Công ty sẽ hợp đồng thu gom phế phẩm với các hộ gia đình có nhu cầu để tận dụng làm thức ăn cho gia súc và ủ phân bón cho cây trồng. Hợp đồng sẽ quy định tần suất thu gom là 1 lần/ngày.

- Rác thải là bao bì, giấy thải: Được thu gom lại nếu còn sử dụng được thì được tận dụng làm bao bì đựng rác hữu cơ, nếu bị rách, hư hỏng không còn sử dụng được thì được đưa đi xử lý cùng với chất thải rắn sinh hoạt của Nhà máy.

- Bố trí khu vực tập kết chất thải rắn thông thường có mái che, nền xi măng chống thấm, có rãnh thu nước rỉ với diện tích 9 m².

- Cuối ngày, bảo vệ đem rác thải cần xử lý ra trước cổng Nhà máy để đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo đúng quy định.

- Công ty thực hiện làm Hợp đồng thu gom chất thải rắn sinh hoạt, thông thường với đơn vị có chức năng để thu gom và xử lý theo đúng quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: 03 thùng nhựa 240 lít, có nắp đậy, đặt tại 01 thùng tại khu vực nhà xưởng và 01 thùng tại nhà làm việc; 01 thùng tại khu vực tập kết chất thải rắn thông thường.

- Cuối ngày, công nhân thực hiện thu gom, phân loại thành nhóm chất thải rắn có khả năng tái chế và nhóm không có khả năng tái chế.

- Nhóm có khả năng tái chế được thu gom và lưu trữ tại 01 thùng chứa rác 240 lít đặt tại khu vực tập kết chất thải rắn để bán cho các cơ sở thu mua phế liệu trên địa bàn.

- Nhóm không có khả năng tái chế, Công ty sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom và xử lý theo đúng quy định. Tần suất thu gom 1 lần/ngày.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CÓ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện các biện pháp phòng cháy, chữa cháy.

- Thực hiện các biện pháp an toàn về điện.

- Thực hiện các biện pháp về an toàn lao động.